

Hội nhập kinh tế của Thái Lan

NGUYỄN THẮNG

Thái Lan - một trong năm nước sáng lập ra Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) - đã duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong suốt hơn 2 thập kỷ vừa qua. Mặc dù cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á vừa qua đã để lại những tổn thất kinh tế nặng nề, song người ta vẫn cho rằng Thái Lan sớm trở thành một nước công nghiệp hóa mới (NIC). Trong những nguyên nhân dẫn đến sự thành công của Thái Lan tại giai đoạn vừa qua phải nói đến trước hết là: họ đã khôn khéo thực hiện một đường lối ngoại giao ôn hòa nhằm bảo vệ chủ quyền dân tộc và chủ trương chuyển hướng chiến lược phát triển kinh tế từ thay thế nhập khẩu sang hướng vào xuất khẩu, chủ động mở cửa để hội nhập với nền kinh tế thế giới.

Sự thành công của Vương quốc Thái Lan rất đáng ngưỡng mộ. Tuy vậy, trong bài viết này, tác giả chỉ đề cập đến một vài khía cạnh về hội nhập kinh tế quốc tế của Thái Lan. Những khía cạnh đó là: khái quát về sự phát triển kinh tế Thái Lan; quan điểm, nội dung chiến lược, và đánh giá những thành công và thách thức của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Thái Lan.

1. Khái quát về sự phát triển kinh tế Thái Lan

Trước năm 1960, Thái Lan là một nước nông nghiệp lạc hậu. Nền công nghiệp manh mún được hình thành bởi phần lớn các xí nghiệp nhỏ thuộc sở hữu tư nhân và một vài công ty cỡ vừa thuộc sở hữu nhà nước. Sau năm 1960, Chính phủ chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đồng thời khuyến khích đầu tư tư nhân. Kinh tế bắt đầu tăng trưởng mạnh nhờ vào sự phát triển của các ngành công nghiệp chế tạo. Thời kỳ này, Thái Lan

theo đuổi chính sách công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu cho nên họ đã thực thi một chế độ thuế quan có khả năng bảo hộ cho sự phát triển của các ngành công nghiệp trong nước. Có thể nói nền kinh tế Thái Lan chưa thực sự mở cửa để hội nhập với nền kinh tế toàn cầu.

Hai cuộc khủng hoảng dầu lửa cùng với cuộc khủng hoảng nợ diễn ra liên tiếp đã làm bộc lộ rõ những hạn chế của chính sách phát triển kinh tế theo hướng thay thế nhập khẩu. Một sự chuyển hướng chiến lược từ thay thế nhập khẩu sang hướng về xuất khẩu đã được thực hiện. Chiến lược hướng về xuất khẩu mà nội dung cơ bản của nó là tích cực thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, ưu tiên đặc biệt cho sự phát triển các ngành công nghiệp xuất khẩu, lấy ngoại thương làm động lực phát triển cho toàn bộ nền kinh tế... đã giúp Thái Lan trở thành một trong những nước đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới trong khoảng vài thập niên vừa qua.

Khoảng từ giữa thập kỷ 90 trở lại đây, nền kinh tế thế giới đã có những biến đổi sâu sắc. Cùng với những thay đổi của điều kiện sản xuất và kinh doanh trong nước, sự biến đổi trên đã trực tiếp tác động đến hai khâu trọng yếu của kinh tế Thái Lan: đầu tư trực tiếp nước ngoài và thương mại. Trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, Thái Lan đã phần nào trở nên kém hấp dẫn hơn vì cạnh họ đã nổi lên những địa bàn đầu tư hấp dẫn với những thị trường lớn đầy hứa hẹn như: Trung Quốc, Ấn Độ và Việt Nam. Trong lĩnh vực thương mại, những sự thay đổi lớn về thị trường và cơ cấu hàng hóa đã xuất hiện.

Nguyễn Thắng, Viện Kinh tế thế giới.

Về thị trường, sự phụ thuộc chủ yếu vào 3 thị trường lớn như Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản đang giảm dần. Thay vào đó là các thị trường mới ở Đông Á như Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông và Hàn Quốc. Đồng thời, kim ngạch xuất khẩu sang các nước thành viên ASEAN bắt đầu tăng dần lên. Về chủng loại hàng hóa, kim ngạch xuất khẩu của các hàng hóa chứa hàm lượng kỹ thuật cao như máy tính, linh kiện máy tính, đồ điện tử, điện máy, điện gia dụng, ô tô, xe máy và các sản phẩm hóa chất ngày càng tăng mạnh. Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu của các hàng hóa chứa hàm lượng lao động cao đang giảm dần. Hai nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng này là: (1) Khả năng cung cấp nguyên liệu trở nên khó khăn hơn đối với các ngành công nghiệp thực phẩm và chế tạo đồ gỗ gia dụng và (2) Tiền lương tăng nhanh trong các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động như ngành dệt may, sản xuất giấy dép.... Điều đó đã làm cho các hàng hóa xuất khẩu chứa hàm lượng lao động cao mất dần đi khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Có thể nói quá trình toàn cầu hóa đã làm biến đổi nền kinh tế Thái Lan và quan hệ kinh tế của họ với phần còn lại của nền kinh tế thế giới. Trong bối cảnh kinh tế như vậy, Thái Lan đã chủ động thực hiện chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế nhằm hạn chế được những tác động tiêu cực và phát huy được những tác động tích cực của quá trình toàn cầu hóa.

2. Quan điểm về hội nhập kinh tế quốc tế

Thái Lan cũng như hầu hết các nước đang phát triển theo đuổi chính sách kinh tế mở khác muốn rút ngắn con đường phát triển, nhanh chóng đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa, không thể đóng cửa tự mình hài lòng với những gì đã đạt được. Do đó, Thái Lan đã phải xây dựng và phát triển những quan hệ nhiều mặt với hầu hết các nước, hội nhập vào nền kinh tế thế giới, chủ động tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế nhằm tận dụng tối đa những gì

mà phần còn lại của nền kinh tế thế giới có thể mang lại và những gì là lợi thế của họ để phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế của mình.

Mặc dù hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình tất yếu khách quan, nó lôi cuốn toàn bộ các nền kinh tế mở tham gia vào quá trình đó, song quan niệm về nó cũng có những điểm khác nhau tùy thuộc vào các quốc gia cụ thể. Thái Lan không đưa ra một quan điểm chính thức nào về vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, một số học giả Thái Lan có đưa ra những ý kiến của mình về vấn đề hội nhập cũng như toàn cầu hóa. Trong số đó, đáng chú ý là quan điểm của tiến sỹ Chalongphop Susangkonkan, Chủ tịch Quỹ nghiên cứu phát triển Thái Lan; tiến sỹ Nithi Lasivong, giáo sư khoa nhân chủng học, Đại học Chiang Mai và tiến sỹ Vithit Mantaphon, giáo sư khoa hành chính, Đại học Chulalongkorn.

Các ý kiến quan điểm nói trên đều cho rằng không thể phủ nhận một trào lưu được gọi là toàn cầu hóa, trào lưu đó buộc các nước phải tự điều chỉnh để cùng tham gia. Quá trình tham gia đó chính là sự hội nhập quốc tế. Sự tự điều chỉnh của mọi quốc gia để tiến hành hội nhập toàn cầu tựu trung lại chính là quá trình tự do hóa một cách toàn diện. Trong đó nội dung quan trọng hàng đầu là: (1) *Tự do hóa thương mại và đầu tư*; (2) *Tự do cá nhân*; (3) *Tự do điều hành*; (4) *Tự do hóa tài chính*; (5) *Tự do hóa thông tin*. Từ đó, họ kết luận chỉ có chủ động hội nhập trên cơ sở thực hiện những chiến lược hội nhập phù hợp mới có thể hạn chế được những tác động tiêu cực và phát huy được những tác động tích cực của quá trình toàn cầu hóa.

3. Nội dung chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế

Mặc dù Thái Lan là một trong năm nước sáng lập ra ASEAN (8-1967), một khối kinh tế khu vực được coi là phát triển năng động nhất hiện nay, và là thành viên của Hiệp định Hợp tác phát triển bền vững lưu vực sông Mê Công (gồm: Campuchia, Lào, Thái

Hội nhập ...

Lan và Việt Nam, ký ngày 17-9-1957) , song quá trình hội nhập thực sự với nền kinh tế thế giới bắt đầu thể hiện rõ nét vào cuối những năm 80, khi mà kinh tế Thái Lan rơi vào những cuộc khủng hoảng nghiêm trọng.

Vào thời kỳ này, Chính phủ Thái Lan thực hiện hai cải cách quan trọng. Thứ nhất, *khu vực kinh tế tư nhân được chính thức thừa nhận là động lực phát triển của nền kinh tế quốc dân*. Nhà nước khuyến khích khu vực kinh tế này đi đầu trong lĩnh vực đầu tư vì khu vực kinh tế quốc doanh gặp nhiều khó khăn trong lĩnh vực tài chính. Kinh doanh được tự do triệt để, do vậy khu vực kinh tế tư nhân đã phát huy được những lợi thế của kinh tế thị trường. Thứ hai, *Chính phủ ban hành những chính sách ưu đãi đặc biệt cho sự phát triển của các công nghiệp chế tạo hàng xuất khẩu*. Đồng thời, Bộ Thương mại từng bước hoàn thiện hệ thống các công cụ hỗ trợ và khuyến khích xuất khẩu. Bộ Tài chính thực thi việc giảm thuế xuất nhập khẩu nhằm tạo thuận lợi hơn nữa cho hoạt động kinh tế đối ngoại. Hai cải cách kinh tế nêu trên đã đánh dấu quá trình hội nhập thực sự của nền kinh tế Thái Lan với nền kinh tế thế giới.

Từ giữa thập kỷ 90 trở lại đây (như đã trình bày trong mục 1), nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Thái Lan nói riêng đã có những biến đổi sâu sắc. Vì vậy, Thái Lan đã tự đánh giá và điều chỉnh lại mình

để đưa ra một chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế phù hợp với tình hình mới. Chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế gồm 4 nội dung chủ yếu: đào tạo nguồn nhân lực; tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài; nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu và tăng cường thâm nhập vào các nước mới mở cửa.

Đào tạo nguồn nhân lực

Trong các công trình nghiên cứu về các yếu tố của sự phát triển, người ta nhận thấy có mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa GDP tính theo đầu người và tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông cũng như đại học. Ở Thái Lan, mối quan hệ đó diễn ra không hoàn toàn như vậy. Khi GDP tính theo đầu người ở mức 1000 US\$, tỷ lệ học sinh vào trung học phổ thông so với lứa tuổi tại Thái Lan, Hàn Quốc và Braxin lần lượt là 9%, 27% và 11%. Khi GDP tính theo đầu người tại nhóm nước này tăng lên tới 2000 US\$, tỷ lệ đó lần lượt là 26%, 52% và 21%. GDP tính theo đầu người tiếp tục tăng lên tới mức 3000US\$, tỷ lệ đó hầu như không đổi tại Thái Lan, trong khi tại Hàn Quốc là 85% và tại Braxin là 35%. Tại đây, chúng tôi không muốn đi sâu tìm hiểu nguyên nhân của tình trạng tỷ lệ học sinh tham dự trung học phổ thông tại Thái Lan thấp. Song tình trạng đó đã dẫn đến sự khủng hoảng thiếu về kỹ sư và nhân viên kỹ thuật trong lĩnh vực kỹ thuật tại Thái Lan hiện nay, (bảng 1).

BẢNG 1. Cung - cầu về kỹ sư và nhân viên kỹ thuật trong lĩnh vực kỹ thuật

Đơn vị: người

	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001
Cung	10630	11770	12970	13620	14450	15200	15470
Cầu	13750	15720	16330	18610	21030	23900	27080
Thiếu	3120	3950	3360	4990	6580	8700	11610

Nguồn: IDE Spot Survey, p.54.

Trong tình hình hiện nay, khi mà Thái Lan đang nỗ lực thay đổi cơ cấu hàng hóa xuất khẩu theo hướng sản phẩm xuất khẩu chứa hàm lượng kỹ thuật cao, từng

bước thay chỗ cho những sản phẩm xuất khẩu chứa hàm lượng lao động cao, nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực của sự giảm sút khả năng cạnh tranh của các sản

phẩm xuất khẩu Thái Lan thì nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trở nên thực sự cần thiết. Do đó, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội lần thứ 8 (1997-2001) của Thái Lan đã khẳng định một nguồn nhân lực có học vấn cao thực sự là một nhân tố thiết yếu cho sự phát triển của đất nước trong giai đoạn mới. Trên cơ sở đó, mục tiêu đề ra cho năm 2020 là nâng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đại học so với lứa tuổi lên khoảng 40%, tương đương với tỷ lệ của Hàn Quốc và Nhật Bản hiện nay. Đồng thời, phát triển hệ thống đào tạo công nhân kỹ thuật nhằm tạo thêm cơ hội học tập cho thế hệ thanh niên hiện nay. Đây là nhân tố quan trọng nhất để biến mục tiêu đạt mức GDP trên đầu người khoảng 12000 US\$ vào năm 2020 trở thành hiện thực.

Tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

BẢNG 2. FDI giai đoạn 1989-2000

Đơn vị tính: triệu US\$

	89-94	1995	1996	1997	1998	1999	2000
Vào	1927	8788	10372	12967	6316	7197	6390
Ra	201	835	816	447	124	344	59

Nguồn: World Investment Report 2001, p.291-299.

Hiện nay, khi mà quá trình tự do hóa thương mại và đầu tư trong khu vực đang tiếp tục được thúc đẩy, để tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu, Thái Lan nhất thiết phải thu hút FDI cho các ngành sử dụng công nghệ cao. Tuy nhiên, để đạt được điều đó, Thái Lan cần phải phát triển mạng lưới công nghiệp hỗ trợ một cách thích ứng (mạng lưới công nghiệp hỗ trợ của Thái Lan được coi là khâu yếu nhất trong thu hút FDI).

Vì sự đòi hỏi đó, Thái Lan quyết tâm xây dựng một cơ cấu công nghiệp đa dạng (gồm 14 ngành), mà nòng cốt là các công ty đầu tư đến từ các nước công nghiệp phát triển, đặc biệt là các công ty từ Nhật Bản và Mỹ. Trong nước, Chính phủ cố gắng đảm bảo sự ổn định về chính trị, đầu tư vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng một mức thích ứng, ngăn chặn sự gia tăng tiền lương, đảm bảo nguồn

Trong cuộc chạy đua quyết liệt nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong khu vực Đông Á, ngay sau khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á, Thái Lan đã thay đổi những chính sách của mình để tạo ra một môi trường đầu tư hấp dẫn hơn so với các nước trong khu vực. Cụ thể: nâng mức sở hữu nước ngoài lên 49% đối với các dự án thông thường, 100% đối với các dự án có trên 80% sản phẩm xuất khẩu. Ngoài ra, bên nước ngoài còn được phép điều chỉnh tỷ lệ sở hữu lên trên 51% trong trường hợp đối tác Thái Lan gặp khó khăn về tài chính. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính huỷ bỏ qui định phải có 30% sản phẩm xuất khẩu trở lên mới được hưởng miễn giảm thuế trong các ngành công nghiệp chế tạo. Mặc dù vậy, FDI vào Thái Lan vẫn tiếp tục giảm sút trong vài năm vừa qua, (bảng 2).

cung về nhân viên kỹ thuật và đội ngũ công nhân tay nghề cao, cũng như các yếu tố đầu vào cho các ngành công nghiệp. Theo họ, một cơ cấu công nghiệp hỗ trợ đa dạng được phát triển tốt sẽ là yếu tố tốt nhất để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

Nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu

Như đã trình bày trong các mục trên, một số sản phẩm xuất khẩu chứa hàm lượng lao động của Thái Lan đã mất dần khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới. Phần lớn trong số đó (như các sản phẩm dệt may, giấy dếp, thực phẩm đóng hộp...) là những sản phẩm xuất khẩu truyền thống của Thái Lan. Mặt khác, phần giá trị gia tăng trong các sản phẩm xuất khẩu của Thái Lan rất thấp (chẳng hạn tỷ lệ giá trị gia tăng trong giá thành của máy tính, thiết bị bán dẫn,

điện dân dụng, dệt may và ô tô lần lượt là 36%, 28%, 60%, 50% và 47%).

Để khắc phục thực trạng đó, trong quá trình hội nhập với nền kinh tế thế giới trong giai đoạn hiện nay, Chính phủ Thái Lan đã đưa ra chương trình nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu nhằm tiếp tục duy trì và phát triển những lợi thế so sánh của mình. Chương trình đó có thể tạm chia thành hai nội dung chính: (1) Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp từ sử dụng hàm lượng lao động cao sang sử dụng hàm lượng công nghệ cao và (2) Khuyến khích sự phát triển và áp dụng công nghệ hiện đại nhằm làm tăng phần giá trị gia tăng trong các ngành công nghiệp sử dụng hàm lượng lao động cao.

Nội dung thứ nhất của chương trình trên thực sự là một cuộc cách mạng công nghiệp. Cuộc cách mạng này sẽ thành công nếu trong thời gian tới Thái Lan hoàn thành chương trình xây dựng một cơ cấu công nghiệp hỗ trợ nêu trên. Người ta hy vọng các ngành công nghiệp như chế tạo ô tô và xe máy, công nghiệp điện máy và điện tử sẽ là những ngành công nghiệp dẫn đầu của nền kinh tế Thái Lan trong tương lai không xa. Liên quan đến nội dung thứ hai, hai ngành công nghiệp được ưu tiên đầu tư là công nghiệp dệt may và công nghiệp thực phẩm. Sự đổi mới công nghệ trong các ngành này sẽ được Quỹ phát triển xuất khẩu hỗ trợ về mặt tài chính. Chính phủ hy vọng sự đổi mới công nghệ đó sẽ cắt giảm chi phí cho từng đơn vị sản phẩm, đồng thời làm tăng thêm giá trị cho hàng xuất khẩu, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Để đảm bảo thực hiện tốt chương trình nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu, Cơ quan quản lý đầu tư Thái Lan (BOI) cụ thể hóa thành 4 nhiệm vụ cho giai đoạn trước mắt:

- Khuyến khích đầu tư công nghệ nhằm làm tăng giá trị hàng hóa trong các ngành công nghiệp truyền thống (dệt may, đồ chơi, dây dáp và một số ngành công nghiệp nhẹ).

- Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) các sản phẩm mới và nâng cao chất lượng sản phẩm trong những ngành vốn đã có khả năng cạnh tranh mạnh (chế biến nông sản, hải sản).

- Đầu tư để nâng cao năng suất lao động, tăng cường khả năng cạnh tranh của các ngành công nghiệp có nhiều tiềm năng (sản xuất phụ tùng ô tô, các ngành sử dụng công nghệ cao như IC, bán dẫn và màng silicon).

- Giảm chi phí sản xuất trong các ngành công nghiệp non trẻ (hóa chất, luyện kim) để tăng khả năng cạnh tranh ngay tại thị trường trong nước và cả trên thị trường thế giới.

Như vậy, việc nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu của Thái Lan không chỉ mang lại sự thành công trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, mà còn hứa hẹn một sự thành công trong việc phát triển một nền công nghiệp hiện đại và hiệu quả cho đất nước này.

Tăng cường thâm nhập vào các nước mới mở cửa

Trong những năm gần đây, một mục tiêu quan trọng trong chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế của Thái Lan là tiến hành đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, đặc biệt là thâm nhập vào các nước mới mở cửa như Campuchia, Lào, Trung Quốc và Việt Nam, là những nước láng giềng của họ. Sự gần gũi về mặt địa lý đã tạo cho Thái Lan những lợi thế nhất định so với các chủ đầu tư khác. Thái Lan đã ký kết hợp tác kinh tế với tất cả các nước láng giềng, chẳng hạn như: tam giác kinh tế phía Nam, tứ giác kinh tế phía Bắc, lục giác kinh tế sông Mê Công.

Thái Lan là chủ đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Campuchia và Lào. Mặc dù cơ sở hạ tầng tại hai nước này rất yếu kém, song hàng năm Thái Lan đầu tư vào đây hàng trăm triệu US\$. Các dự án chủ yếu tập trung vào ngành dịch vụ như: xây dựng, du lịch, khách sạn, ngân hàng, bảo hiểm và công nghiệp khai thác lâm sản.

Sự thâm nhập của Thái Lan vào Trung Quốc chỉ mới dừng lại ở tỉnh Vân Nam. Tại đây, họ chủ yếu đầu tư vào các ngành chế biến thực phẩm, thức ăn gia súc, ngân hàng, bảo hiểm và du lịch. Việc kiểm soát ngặt nghèo đối với quá trình chuyển ngoại tệ về nước cùng với sự chậm trễ và phức tạp trong quá trình đàm phán là sự cản trở chính đối với Thái Lan trong việc đầu tư vào Trung Quốc.

Thái Lan đã từng là một trong mười chủ đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam trong giai đoạn 1988-2000. Riêng năm 1995, Thái Lan đầu tư vào đây 15 dự án với tổng số vốn đăng ký lên tới 189,9 triệu US\$. Tuy nhiên, Chính phủ Việt Nam chủ trương khuyến khích đầu tư xuất khẩu hơn là phục vụ nhu cầu nội địa, trong khi đó mục tiêu đầu tư của Thái Lan lại nhằm thâm nhập thị trường. Sự mâu thuẫn đó gây ra những cản trở nhất định cho chiến lược thâm nhập vào các nền kinh tế mới mở của Thái Lan.

4. Những thành công và thách thức của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

Khó có thể đánh giá hết và đánh giá chính xác những gì mà quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đã mang lại cho sự phát triển của nền kinh tế Thái Lan. Sự phát triển đã một thời từng được coi là "sự thần kỳ kinh tế châu Á" là kết quả của việc thực hiện hàng loạt các chính sách đúng đắn cả trong lĩnh vực kinh tế lẫn ngoại giao. Tuy nhiên, đóng góp một phần quan trọng cho sự "thần kỳ" đó, vai trò của quá trình hội nhập kinh tế là không thể phủ nhận. Do vậy, thay vào việc đánh giá tác động tích cực của quá trình hội nhập, chúng tôi xin điểm lại những nét nổi bật trong sự phát triển của kinh tế Thái Lan. Những thành công mà, theo chúng tôi, có sự đóng góp tích cực của quá trình hội nhập kinh tế.

Thứ nhất, Thái Lan luôn duy trì được một tỷ lệ tăng trưởng GDP thực tế khoảng 9% trong suốt thời kỳ từ 1984 - 1994 (cũng trong thời kỳ này, tỷ lệ tăng trưởng GDP thực tế bình quân của các nước đang phát

triển khoảng 5%). Giai đoạn tiếp theo, mặc dù xảy ra cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á, mà Thái Lan là một trong năm nước phải chịu hậu quả nặng nề nhất, tỷ lệ đó vẫn còn khoảng 5%.

Thứ hai, Thái Lan đã thiết lập được những mối quan hệ kinh tế gắn bó với nhiều nền kinh tế của các nước và khu vực trên thế giới. Kim ngạch xuất nhập khẩu liên tục tăng trong vài thập kỷ vừa qua (từ 38,5% GDP năm 1976 lên 43,0% và 72,5% tương ứng các năm 1986 và 1996).

Thứ ba, Thái Lan là nước thành công nhất trong khối ASEAN về việc thu hút FDI. Sự điều chỉnh linh hoạt chính sách thu hút FDI đã làm cho nước ngoài đổ vào đây 10,4 tỷ US\$ và 12,9 tỷ US\$ tương ứng vào các năm 1996 và 1997. Sau khủng hoảng tài chính-tiền tệ châu Á, xác suất rủi ro tăng đã làm nản lòng các chủ đầu tư nước ngoài, song bình quân hàng năm Thái Lan vẫn thu hút được trên 6,5 tỷ US\$ vốn FDI (cao hơn mức kỷ lục của Malaysia và Singapo) để góp phần vào việc khắc phục hậu quả của khủng hoảng.

Thứ tư, để đẩy nhanh quá trình hội nhập, Thái Lan đã sớm trở thành thành viên của các tổ chức quốc tế như Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Tổ chức thương mại thế giới (WTO)... Chính vì vậy, Thái Lan đã nhận được sự hỗ trợ quý báu của IMF để vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính-tiền tệ châu Á, với hậu quả ít tổn thất hơn những gì mà người ta đã dự đoán. Đồng thời, là thành viên của (WTO), Thái Lan có nghĩa vụ phải thúc đẩy nhanh quá trình tự do hóa thương mại, nghĩa vụ này đồng thời là một nội dung quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Thái Lan.

Bên cạnh những thành công nêu trên, quá trình hội nhập kinh tế cũng đưa Thái Lan tới những thách thức mới. Nền kinh tế Thái Lan ngày càng phụ thuộc vào nền kinh tế thế giới, đặc biệt là sự phụ thuộc vào nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các ngành công nghiệp xuất khẩu. Do đó, Thái

Lan khó tránh được hậu quả mỗi khi có những biến động lớn của thị trường các yếu tố đầu vào cho công nghiệp. Điều này có thể sẽ làm xấu thêm tình trạng nhập siêu của Thái Lan trong nhiều năm qua, và nó có thể là một nguyên nhân cho cuộc khủng hoảng mới.

Ngoài ra, những biện pháp mà Thái Lan phải thực hiện theo yêu cầu của IMF sẽ khiến hệ thống kinh tế nước này phải tự do hóa nhanh hơn tiến trình tự do hóa thương mại của WTO. Điều đó làm cho Thái Lan khó có thể kiểm soát, quản lý được các doanh nghiệp và các ngành công nghiệp trong nước, cho dù bằng biện pháp thuế, sự trợ giúp hay các biện pháp khác. Vì vậy, các doanh nghiệp muốn tồn tại được trên thị trường thế giới, thậm chí ngay tại thị trường trong nước, họ nhất thiết phải sử dụng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm để làm vũ khí cạnh tranh. Điều này thách thức hoạt động R&D và quá trình chuyển giao công nghệ của Thái Lan.

Kết luận

Xu hướng toàn cầu hóa ngày nay đã kéo theo sự tham gia của hầu hết các nền kinh tế mở. Trong xu thế đó, nếu các quốc gia

không tự điều chỉnh chính mình, chủ động đưa ra những chiến lược hội nhập phù hợp để tiến hành hội nhập toàn cầu thì khó có thể hạn chế được những tác động tiêu cực, phát huy được những tác động tích cực của quá trình toàn cầu hóa, Thái Lan là một trong những minh chứng cụ thể của nhận định này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Đỗ Lộc Diệp, "Toàn cầu hóa kinh tế và ý nghĩa của nó", *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 5.1999.
2. Nguyễn Thị Hiền, "Hội nhập kinh tế khu vực của một số nước ASEAN", *luận án tiến sỹ kinh tế*, Hà Nội 2001.
3. "Tư liệu các nước thành viên ASEAN", *Nxb Thống kê*, Hà Nội 1999.
4. "Thái Lan trong thế kỷ 21-không còn đường rút", *tài liệu TKĐB 7-2-1998*.
5. "Xu hướng của nền kinh tế Thái Lan sau thời kỳ suy thoái", *tài liệu TKĐB 16-12-1997*.
6. Narongchai A., "The role of policy research in the trade and industry reforms of Thailand", *WB 1991*.
7. Ekamol K., "Securities market regulations and reforms in Thailand", *WB 1994*.
8. "Thailand: The institutional and political underpinnings of growth", *WB 1993*.
9. "Thailand: The ability to move to stable growth in question", *IDE, July 1997*.